

KT3-08127HD6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/07/2016

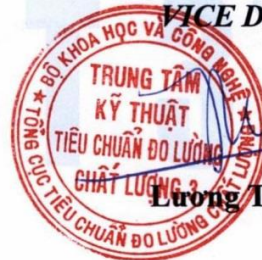
Page 01/02

1. Tên mẫu : **ỐNG GÂN HDPE 110**
Name of sample
2. Số lượng mẫu : 01
Quantity
3. Mô tả mẫu : 03 đoạn ống gân màu đen
Description Structural plastic pipes
4. Ngày nhận mẫu : 24/06/2016
Date of receiving
5. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**
Customer 240 Hậu Giang, Q.6, Tp. Hồ Chí Minh
6. Thời gian thử nghiệm : 25/06/2016 – 05/07/2016
Test period
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang/ see page 02/02
Test result

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LABORATORY


Nguyễn Phước Hải

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Lương Thanh Uyên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-8) 3829 4274 Fax: (84-8) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 383 6298 E-mail: qt-dichvutn@quatest3.com.vn



Tên chỉ tiêu <i>Characteristics</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i>
7.1 Độ cứng vòng / <i>Ring stiffness</i> , kN/m ²	ISO 9969 : 2007	12,51
7.2 Độ đàn hồi vòng / <i>Ring flexibility</i>	ISO 13968 : 2008	Không nứt vỡ , không tách lớp/ <i>No cracking, no delamination</i>
7.3 Độ bền nhiệt / <i>Heat resistance</i>	ISO 12091 : 1995	Không nứt vỡ , không tách lớp/ <i>No cracking, no delamination</i>
7.4 Độ bền va đập tại nhiệt độ 0 °C / <i>Impact resistance at temperature 0 °C</i> , TIR	BS EN 744 : 1996	Nhỏ hơn / <i>Less than</i> 10 %
7.5 Độ cứng của ống/ <i>Pipe stiffness</i> , MPa	Tham khảo TCVN 9070 : 2012	1,80

Ghi chú/ Note:

Kết quả độ cứng P_s – hay áp lực chịu nén ngoài - chỉ có giá trị tham khảo và được tính toán theo công thức ở mục 5.5.4.2 của TCVN 9070 : 2012, trong đó:

Result of stiffness P_s is for reference purpose only and is calculated according to the formula in Section 5.5.4.2 of the TCVN 9070 : 2012, of which:

- Đường kính trong danh nghĩa D_{dn} được thay thế bằng đường kính trong trung bình 93,6 mm/ *Nominal inner diameter D_{dn} is replaced by the average inner diameter of 93,6 mm.*
- Biến dạng hình học của ống (ΔY) đạt 5% khi đường kính trong của ống đạt 71 mm khi đo theo phương đứng (cũng là phương thử nén) trong phép thử sơ bộ và tính toán theo công thức tại mục 5.5.4.1 của TCVN 9070 : 2012/ *Deflection (ΔY) reaches 5% when the inner diameter of the specimen reaches 71 mm (measured in vertical direction in the preliminary test). Deflection (ΔY) is calculated according to the formula in Section 5.5. 4.1 of TCVN 9070 : 2012.*
- Lực nén khi ΔY đạt 5% là / *The compressive force when ΔY reaches 5% is 8,09 kN*
- Không nứt vỡ/ *No cracking*
- Chiều dài mẫu thử / *Length of specimen: 1 m.*